





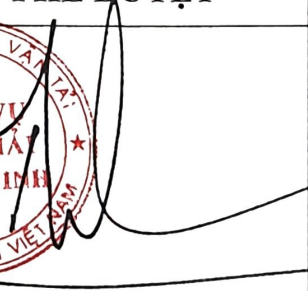

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH

CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH  
TÀI LIỆU ĐƯỢC KIỂM SOÁT

## QUY TRÌNH

**THỦ TỤC TÀU THUYỀN CÓ TRỌNG TẢI TỪ 200 TẤN TRỞ  
XUỐNG, MANG CỜ TRUNG QUỐC NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH  
TẠI KHU VỰC HÀNG HẢI VẠN GIA - HẢI HÀ THUỘC  
CẢNG BIỂN QUẢNG NINH**

MÃ SỐ	QT.TTTT.10
LẦN BAN HÀNH	02
NGÀY BAN HÀNH	11/5/2021
TRANG	1/18

	BIÊN SOẠN	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Chữ ký			 
Họ tên	Bùi Ngọc Nam	Hoàng Song Tùng	Nguyễn Ngọc Thành
Chức danh	Phó Giám đốc	Trưởng ban ISO	Giám đốc





**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 3/18

## **1. MỤC ĐÍCH**

Quy trình này thống nhất biểu mẫu, trình tự thủ tục hành chính cho tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc cảng biển Quảng Ninh, nhằm nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, rút ngắn thời gian làm thủ tục, tạo thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân liên quan.

## **2. PHẠM VI ÁP DỤNG**

Quy trình này áp dụng cho Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Móng Cái trong việc thực hiện thủ tục hành chính cho tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà.

## **3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Hiệp định, thỏa thuận, mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Thông tư số 31/2016/TT-BGTVT ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải;
- Thông tư số 01/2018/TT-BGTVT ngày 03/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh;
- Quyết định số 599/QĐ/TCCB-LĐ ngày 06/4/1991 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải - Bru điện (nay là Bộ Giao thông vận tải) về việc thành lập Cảng vụ Quảng Ninh (nay là Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh);
- Quyết định số 1568/QĐ-CHHVN ngày 10/10/2017 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quy định về cơ cấu tổ chức của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh;



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 4/18

- Quyết định số 655/QĐ-CVHHQN ngày 24/10/2017 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh ban hành chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, đại diện, trạm thuộc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.

- Nội quy cảng biển Quảng Ninh được ban hành kèm theo Quyết định số 89/QĐ-CVHHQN ngày 02/02/2018 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.

#### **4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**

##### **4.1 Định nghĩa và giải thích từ ngữ**

- Định nghĩa: Không áp dụng.

- Giải thích từ ngữ:

+ Người làm thủ tục: **Chủ tàu thuyền hoặc người quản lý, người thuê, người khai thác tàu thuyền, thuyền trưởng** hoặc người được ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh cho tàu thuyền tại khu vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc cảng biển Quảng Ninh theo quy định với các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển;

+ Người giải quyết thủ tục: là viên chức Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Móng Cái chịu trách nhiệm tiếp nhận, tham mưu, giải quyết thủ tục hành chính cho tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc cảng biển Quảng Ninh;

+ Người có thẩm quyền: là Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh hoặc người được Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh ủy quyền theo quy định của pháp luật;

##### **4.2 Chữ viết tắt**

- NĐ58: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/05/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- GPRC: Giấy phép rời cảng.



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ Trung Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
 Lần ban hành: 02  
 Ngày: 11/5/2021  
 Trang: 5/18

**5. NỘI DUNG**

**5.1 Lưu đồ**

Bước công việc	Trách nhiệm	Trình tự công việc	Biểu mẫu, tài liệu liên quan
Bước 1	Người làm thủ tục		Điều 87&88 của NĐ58; BM.TTTT.10 - Mẫu 01 & 02.
Bước 2	- Người làm thủ tục; - Người giải quyết thủ tục		Điều 93 của NĐ58; BM.TTTT.10 - Mẫu 01, 04, 05 và 06
Bước 3	Người làm thủ tục		Điều 87 của NĐ58; BM.TTTT.10 - Mẫu 03
Bước 4	- Người làm thủ tục; - Người giải quyết thủ tục		Điều 93 của NĐ58; BM.TTTT.10 - Mẫu 01, 04, 05 và 06
Bước 5	Người có thẩm quyền		Điều 93 của NĐ58; BM.TTTT.10 - Mẫu 07.
Bước 6	Người giải quyết thủ tục		Theo quy định của cơ quan.



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 6/18

## **5.2 Thuyết minh lưu đồ**

### **Bước 1. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến cảng**

Trước khi tàu thuyền đến vùng nước cảng biển Quảng Ninh khu vực Vạn Gia - Hải Hà, người làm thủ tục:

- Thông báo cho Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Móng Cái, chậm nhất 08 giờ hoặc chậm nhất 02 giờ (đối với trường hợp tàu thuyền di chuyển từ cảng trước đến vùng nước cảng biển Quảng Ninh khu vực Vạn Gia - Hải Hà không quá 20 hải lý) trước khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng, theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 01.

- Xác báo cho Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Móng Cái biết chính xác thời gian tàu đến cảng theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 02, nếu tàu thuyền đến vị trí dự kiến đến cảng sớm hoặc muộn hơn 02 giờ so với thời gian trong thông báo tàu đến cảng.

### **Bước 2. Nộp/xuất trình giấy tờ, tài liệu và tiếp nhận, kiểm tra để hoàn thành thủ tục nhập cảnh**

Địa điểm làm thủ tục: Văn phòng Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Móng Cái.

#### *a) Nộp/xuất trình giấy tờ, tài liệu để làm thủ tục nhập cảnh*

Tại địa điểm làm thủ tục, người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu sau đây:

- Giấy tờ phải nộp (bản chính), mỗi loại 01 bản, bao gồm:
  - + Bản khai chung theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 01;
  - + Danh sách thuyền viên theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 04;
  - + Danh sách hành khách (nếu có) theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 05;
  - + Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có) theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 06;
- Giấy tờ phải xuất trình (bản chính), bao gồm:
  - + Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền;
  - + Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật hoặc Sổ an toàn kỹ thuật của tàu thuyền;





**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 7/18

+ Chứng chỉ chuyên môn của thuyền trưởng và máy trưởng đối với tàu thuyền có trọng tải từ 50 tấn đến 200 tấn hoặc công suất máy chính trên 200 sức ngựa. Miễn xuất trình bằng cấp chuyên môn của thuyền trưởng và máy trưởng đối với tàu thuyền có trọng tải dưới 50 tấn.

*b) Tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ, tài liệu và hoàn thành thủ tục nhập cảnh*

Người giải quyết thủ tục tiếp nhận và kiểm tra giấy tờ, tài liệu của tàu thuyền do người làm thủ tục nộp, xuất trình.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu của tàu thuyền không đủ, không phù hợp, người giải quyết thủ tục hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu của tàu đủ, phù hợp, trong vòng không quá 01 giờ kể từ khi nhận đủ, người giải quyết thủ tục hoàn thành thủ tục tàu thuyền nhập cảnh. Trường hợp chưa hoàn thành thủ tục phải trả lời và nêu rõ lý do.

Tàu thuyền có thời gian lưu lại cảng không quá 24 giờ được thực hiện làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh cùng một lúc.

Đối với tàu thuyền không đảm bảo các điều kiện an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định hoặc có hành vi vi phạm hành chính, người giải quyết thủ tục có trách nhiệm lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, thu thập những bằng chứng liên quan đến vụ việc, báo cáo và đề xuất giải pháp xử lý cụ thể với lãnh đạo đơn vị để xử lý theo thẩm quyền.

**Bước 3. Thông báo tàu thuyền rời cảng**

Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu thuyền rời cảng, người làm thủ tục gửi trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc khác Thông báo tàu rời cảng theo theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 03 cho Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Móng Cái.

**Bước 4. Nộp/xuất trình giấy tờ, tài liệu và tiếp nhận, kiểm tra để làm thủ tục xuất cảnh**

Địa điểm làm thủ tục: Văn phòng Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Móng Cái.

*a) Nộp/xuất trình giấy tờ, tài liệu để làm thủ tục xuất cảnh*

Tại địa điểm làm thủ tục, chậm nhất 02 giờ trước khi tàu thuyền rời cảng hoặc chậm nhất ngay trước thời điểm tàu chuyên tuyến rời cảng, người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu của tàu thuyền, như sau:



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 8/18

- Giấy tờ phải nộp (bản chính), mỗi loại 01 bản, bao gồm:
  - + Bản khai chung theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 01;
  - + Danh sách thuyền viên theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 04;
  - + Danh sách hành khách (nếu có) theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 05;
  - + Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có) theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 06;
- Giấy tờ phải xuất trình (bản chính), bao gồm:
  - + Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền (nếu có thay đổi so với khi đến);
  - + Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật hoặc Sổ an toàn kỹ thuật của tàu thuyền (nếu có thay đổi so với khi đến);
  - + Chứng chỉ chuyên môn của thuyền trưởng và máy trưởng đối với tàu thuyền có trọng tải từ 50 tấn đến 200 tấn hoặc công suất máy chính trên 200 sức ngựa (nếu có thay đổi so với khi đến). Miễn xuất trình bằng cấp chuyên môn của thuyền trưởng và máy trưởng đối với tàu thuyền có trọng tải dưới 50 tấn.

*b) Tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ, tài liệu của tàu thuyền xuất cảnh*

Người giải quyết thủ tục tiếp nhận và kiểm tra giấy tờ, tài liệu của tàu thuyền do người làm thủ tục nộp, xuất trình.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu của tàu thuyền không đủ, không phù hợp, người giải quyết thủ tục hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện.
- Trường hợp giấy tờ, tài liệu của tàu thuyền đủ, phù hợp theo quy định, người giải quyết thủ tục lập Giấy báo phí, chuyển cho bộ phận thu phí và yêu cầu người làm thủ tục nộp phí theo quy định.

Sau khi đã hoàn thành kiểm tra giấy tờ, tài liệu của tàu thuyền xuất cảnh, người làm thủ tục đã nộp đủ các khoản phí, lệ phí, tiền phạt và các khoản nợ khác (nếu có) theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thông báo đã hoàn thành thủ tục cho tàu thuyền xuất cảnh, xác định tàu thuyền đủ điều kiện rời cảng, người giải quyết thủ tục trình người có thẩm quyền Giấy phép rời cảng theo Biểu mẫu BM.TTTT.07-Mẫu 04. Trường hợp chưa thể cấp Giấy phép rời cảng phải báo cáo người có thẩm quyền biết rõ lý do.

Trường hợp tàu thuyền đã được cấp Giấy phép rời cảng mà vẫn lưu lại tại cảng quá 24 giờ kể từ thời điểm được phép rời cảng, tàu thuyền đó phải thực





**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 9/18

hiện lại thủ tục xuất cảnh theo Quy trình này. Người giải quyết thủ tục thu hồi Giấy phép rời cảng đã cấp trước khi cấp Giấy phép rời cảng mới.

Đối với tàu thuyền không đảm bảo các điều kiện an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định hoặc có các hành vi vi phạm hành chính khác, người giải quyết thủ tục có trách nhiệm lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, thu thập những bằng chứng liên quan đến vi phạm, báo cáo và đề xuất giải pháp xử lý cụ thể với lãnh đạo đơn vị để xử lý theo thẩm quyền.

**Bước 5. Hoàn thành thủ tục và cấp Giấy phép rời cảng**

Chậm nhất 01 giờ kể từ khi nhận giấy tờ, tài liệu của tàu thuyền xuất cảnh đủ, phù hợp theo quy định, người làm thủ tục đã nộp đủ các khoản phí, lệ phí, tiền phạt và các khoản nợ khác (nếu có) theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thông báo đã hoàn thành thủ tục cho tàu thuyền xuất cảnh, xác định tàu thuyền đủ điều kiện rời cảng, người có thẩm quyền ký Giấy phép rời cảng theo Biểu mẫu BM.TTTT.10 - Mẫu 07 cấp cho người làm thủ tục để hoàn thành thủ tục theo quy định. Trường hợp chưa cấp Giấy phép rời cảng phải thông báo và nêu rõ lý do.

**Bước 6. Lưu hồ sơ**

Người giải quyết thủ tục nhập dữ liệu, lưu hồ sơ theo quy định.



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ Trung Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 10/18

## 6. BIỂU MẪU

<b>TT</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên Biểu mẫu</b>
1	BM.TTTT.10 - Mẫu 01	Thông báo tàu đến/Bản khai chung
2	BM.TTTT.10 - Mẫu 02	Xác báo tàu đến
3	BM.TTTT.10 - Mẫu 03	Thông báo tàu rời cảng
4	BM.TTTT.10 - Mẫu 04	Danh sách thuyền viên
5	BM.TTTT.10 - Mẫu 05	Danh sách hành khách
6	BM.TTTT.10 - Mẫu 06	Bản khai hàng hoá nguy hiểm
7	BM.TTTT.10 - Mẫu 07	Giấy phép rời cảng

## 7. HỒ SƠ LƯU

<b>TT</b>	<b>Hồ sơ lưu</b>
1	Thông báo, xác báo tàu thuyền đến cảng
2	Bản khai chung
3	Danh sách thuyền viên
4	Danh sách hành khách (nếu có)
5	Bản khai hàng hoá nguy hiểm (nếu có)
6	Thông báo tàu rời cảng
7	Cuốn Giấy phép rời cảng



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 11/18

**BM.TTTT.10 - Mẫu 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

**BẢN KHAI CHUNG**  
**GENERAL DECLARATION**

		Đến Arrival	Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure	3. Thời gian đến/rời cảng Date - time of arrival/departure
1.2 Số IMO: IMO number			
1.3 Hô hiệu: Call sign			
1.4 Số chuyến đi: Voyage number			
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Port, date; number)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of the procedurer	
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Dung tích có ích: Net tonnage		
11. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or station)			
12. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage  Các cảng trước: Previous ports of call  Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call  Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged  Số hàng còn lại: Remaining cargo			
13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu:			



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
 Lần ban hành: 02  
 Ngày: 11/5/2021  
 Trang: 12/18

Description of the cargo				
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit	
Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. master)	15. Số hành khách Number of passenger	16. Ghi chú (Mớn nước mũi, lái, trọng tải toàn phần, chiều dài lớn nhất, chiều rộng lớn nhất, chiều cao tĩnh không) và các thông tin cần thiết khác (nếu có).		
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)		Remarks (Draft, DWT, LOA, Breadth, Clearance height) and others (If any)		
17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration			
19. Danh sách thuyền viên Crew List	20. Danh sách hành khách Passenger List	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities		
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế(*) Maritime Declaration of Health(*)			
24. Mã số Giấy phép rời cảng (*) Number of port clearance				

(\*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng  
only on arrival

....., ngày ... tháng ... năm 20...  
Date .....

**Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**  
 Master (or authorized agent or officer)



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 13/18

**BM.TTTT.10 - Mẫu 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness


**XÁC BẢO TÀU ĐẾN CẢNG (QUÁ CẢNH)**  
**CONFIRMATION OF ARRIVAL OF VESSEL AT THE PORT (TRANSIT)**

Tên và loại tàu: Name and type of ship	Cảng đến Port of arrival	Thời gian đến Time of arrival	
Số IMO: IMO number			
Hồ hiệu: Call sign			
Quốc tịch tàu Flag State of ship			
Tình trạng người trên tàu			
Người ốm (nếu có) Ill person (If any)	Người chết (nếu có) Dead person (If any)	Người cứu vớt được trên biển (nếu có) Rescued person (If any)	Người trốn trên tàu (nếu có) Stow away (If any)
Tên: Name:	Tên: Name:	Tên: Name:	Tên: Name:
Tuổi: Age:	Tuổi: Age:	Tuổi: Age:	Tuổi: Age:
Quốc tịch: National:	Quốc tịch: National:	Quốc tịch: Age:	Quốc tịch: National:
Tình trạng bệnh tật: Illness status	Tình trạng bệnh tật: Illness status	Quốc tịch: National:	
	Lý do tử vong: Reason of dead		
Các yêu cầu liên quan khác Relevant requirements			

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Date .....

**Thuyền trưởng (hoặc đại lý)**  
**Master (or authorized agent)**

 <p><b>VINAMARINE</b> CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH</p>	<p><b>QUY TRÌNH</b> <b>Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ</b> <b>200 tấn trở xuống, mang cờ Trung</b> <b>Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu</b> <b>vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc</b> <b>Cảng biển Quảng Ninh</b></p>	<p>MS: QT.TTTT.10 Lần ban hành: 02 Ngày: 11/5/2021 Trang: 14/18</p>
---	---	---

**BM.TTTT.10 - Mẫu 03**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom – Happiness

-----  
**THÔNG BÁO TÀU RỜI CẢNG**  
**NOTICE OF CLEARANCE OF VESSEL AT THE PORT**

1. Tên và loại tàu: Name and type of ship		4. Cảng rời Port of clearance	5. Thời gian rời Time of clearance
2. Số IMO: IMO number			
3. Hồ hiệu: Call sign			
6. Quốc tịch tàu Flag State of ship	7. Tên thuyền trưởng Name of master	8. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination	
9. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port)		10. Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners	
11. Chiều dài lớn nhất LOA	12. Chiều rộng Breadth	13. Chiều cao tĩnh không Clearance height	14. Mớn nước thực tế Shown draft
15. Tổng dung tích GT	16. Trọng tải toàn phần DWT	17. Đại lý của chủ tàu tại Việt Nam (nếu có) Name of the shipowners' agents in Viet Nam (if any)	
18. Thông tin hàng hóa 18.1. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa xếp tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board 18.2. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa dỡ tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo discharging at port 18.3. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa trên tàu trước khi rời cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board before leaving			
19. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng): Number of crew (incl. Master)	20. Số hành khách Number of passengers	22. Ghi chú: Remarks	
21. Những người khác trên tàu Other persons on board			

..., ngày ... tháng ... năm 20...  
Date .....  
**Thuyền trưởng (hoặc đại lý)**  
Master (or authorized agent)





**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu thuyền có trọng tải từ**  
**200 tấn trở xuống, mang cờ Trung**  
**Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại khu**  
**vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà thuộc**  
**Cảng biển Quảng Ninh**

MS: QT.TTTT.10  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 15/18

**BM.TTTT.10 - Mẫu 04**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

-----

**DANH SÁCH THUYỀN VIÊN**

**CREW LIST**

		Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure		
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hô hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number		
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship			5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call		
STT No.	Họ và tên Family name, given name	Chức danh Rank of rating	Quốc tịch Nationality	Ngày và nơi sinh Date and place of birth	Loại và Số giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên) Nature and No. of identity document (seaman's passport

....., ngày ..... tháng .... năm 20 ...

Date.....

**Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**

Master (Authorized agent or officer)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Socialist Republic of Vietnam  
 Independence - Freedom - Happiness

**DANH SÁCH HÀNH KHÁCH**  
**PASSENGER LIST**

		Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:		
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure				
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hô hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number				
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
Họ và tên Family name, given name	Quốc tịch Nationality	Ngày và nơi sinh Date and place of birth	Loại Hộ chiếu Type of identity or travel document	Số hộ chiếu Serial number of identity or travel document	Cảng lên tàu Port of embarkation	Cảng rời tàu Port of disembarkation	Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not

....., ngày ... tháng .... năm 20 ...

Date.....

**Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**

Master (Authorized agent or officer)

**BM.TTTT.10 - Mẫu 06**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

**BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM**  
**DANGEROUS GOODS MANIFEST**

1.1 Tên tàu Name of ship		1.2 Số IMO IMO Number			2. Quốc tịch tàu Flag state of ship		1.5 Tên thuyền trưởng: Master's Name				
1.3 Hồ hiệu Call sign		3. Cảng nhận hàng Port of loading			4. Cảng trả hàng Port of discharge		1.6 Đại lý tàu biển: Shipping Agent				
1.4 Số chuyến đi: Voyage number											
5. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mã số tham chiếu Booking/ reference number	6. Ký hiệu và số kiện container Id. NO(s) Vehicle Reg. No(s).	7. Số và loại bao kiện Number and kind of packages	8. Cty vận chuyển Proper shipping name	9. Loại hàng hóa Class	10. Số UN UN number	11. Nhóm hàng Packing group	12. Nhóm phụ số Subsidiary risk(s)	13. Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.)	14. Ô nhiễm biển Marine pollutant	15. Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/Net	16. EmS
Thông tin bổ sung: Additional Information											

....., ngày ... tháng .... năm 20 ...

Date.....

**Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**

**BM.TTTT.10 - Mẫu 07**

**CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
Cảng vụ hàng hải.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**GIẤY PHÉP RỜI CẢNG**  
**PORT CLEARANCE**

Giấy phép rời cảng số:.....  
Tên tàu:.....  
Quốc tịch tàu:.....  
Dung tích toàn phần:.....  
Số lượng thuyền viên:.....  
Số lượng hành khách:.....  
Hàng hóa trên tàu:.....  
Hàng hóa quá cảnh:.....  
Rời cảng hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....  
Có hiệu lực đến.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....  
Cảng đến.....  
Cấp.....giờ.....ngày...../...../.....

**GIÁM ĐỐC**

**CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
Vietnam Maritime Administration  
Cảng vụ hàng hải.....  
The Maritime Administration of.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

**GIẤY PHÉP RỜI CẢNG**  
**PORT CLEARANCE**

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Hồ hiệu:.....  
Name of ship Flag State of ship Call sign  
Dung tích toàn phần:.....Tên thuyền trưởng:.....  
Gross tonnage Name of master  
Số lượng thuyền viên:.....Số lượng hành khách:.....  
Number of crews Number of passenger  
Hàng hóa trên tàu:.....  
Cargo  
Hàng hóa quá cảnh:.....  
Transit cargo  
Thời gian rời cảng:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....  
Time of departure Date  
Cảng đến:.....  
Next port of call  
Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến...giờ...ngày...tháng...năm...  
This port clearance is valid until  
Giấy phép số:...../CV.....  
N°

Ngày.....tháng.....năm 20....

Date.....  
**GIÁM ĐỐC**

Director